

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 – 01 – 2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 199x; Nơi ĐKKHKT: Thôn QG, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương; Hiện trú tại: Thôn K, xã T, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Trương Đình D, sinh năm 199x; Trú tại: Thôn QG, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Trương Đình D tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà bố mẹ anh D ở thôn QG, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không tập trung kinh tế, không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống. Anh D là người thiếu trách nhiệm với gia đình. Tháng 11 năm 2022, do vợ chồng bất hòa nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện GL, tỉnh Hải Dương sống và ly thân với anh D từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H và anh D có 02 (hai) con chung là Trương Gia B, sinh ngày 30/6/2014 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/11/2021. Hiện nay, cháu Trương Gia B đang sống cùng với anh D và cháu Trương Quỳnh A đang sống cùng với chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trương Quỳnh A; chị H thống nhất việc anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trương Gia B cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không tự nguyện cấp dưỡng và cũng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị H có việc làm ổn định, mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đồng/tháng, có chỗ ở ổn định và đầy đủ điều kiện sinh hoạt.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trương Đình D đến Tòa để làm việc nhưng anh D vắng mặt. Tòa án giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh D để giao, thông báo cho anh D biết về yêu cầu khởi kiện của chị H. Tuy nhiên, anh D đến Tòa cũng như không có văn bản tự khai thể hiện quan điểm sau khi được gia đình giao và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án.

Kết quả làm việc với bà Phạm Thị L (mẹ ruột của chị H) thể hiện: Chị H và anh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng chín năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tập trung kinh tế, không chia sẻ được với nhau. Anh D là người thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Tháng 11 năm 2022, chị H đã về sống tại nhà bà ở thôn K, xã T, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau nên bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh D để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là Trương Gia B, sinh ngày 30/6/2014 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/11/2021. Cháu Quỳnh A đang sống với chị H, bà đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của chị H.

Kết quả làm việc với ông Trương Đình D1 (bố đẻ của anh D) thể hiện: Chị H và anh D tự do tìm hiểu, kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với gia đình ông D1 tại địa phương. Vợ

chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tập trung kinh tế, không chia sẻ cũng nhau. Từ tháng 11/2022, chị H đã về sống ở nhà mẹ ruột tại thôn K, xã T, huyện GL, tỉnh Hải Dương cho đến nay. Chị H và anh D có 02 (hai) con chung là Trương Gia B, sinh ngày 30/6/2014 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/11/2021. Hiện nay cháu B đang ở với anh D, cháu A đang sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh D cũng biết việc chị H yêu cầu ly hôn, tuy nhiên do bận việc nên không thể về tham gia, anh cũng thể hiện quan điểm với ông là mong muốn được trực tiếp nuôi con chung cháu Trương Gia B.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã ĐH, trưởng thôn QG đều cung cấp: Chị Cao Thị H và anh Trương Đình D tự do tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D ở thôn QG, xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tập trung kinh tế và không chia sẻ được với nhau. Tháng 11/2022, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã T, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Chị H và anh D có 02 (hai) con chung là Trương Gia B, sinh ngày 30/6/2014 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/11/2021. Hiện nay cháu B đang ở với anh D, cháu A đang sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét việc nuôi con chung nhằm đảm bảo nguyện vọng và quyền lợi cho các cháu.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trương Đình D; Về con chung: Giao con chung tên Trương Gia B cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung tên Trương Quỳnh A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, chị Cao Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị H và anh Trương Đình D tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện TK, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2013 nên hôn nhân giữa chị H và anh D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào lời trình bày của chị H, lời khai ông D1 (bố đẻ anh D), lời khai của bà L (mẹ đẻ chị H) và biên bản xác minh tại địa phương xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh D là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong tính cách, vợ chồng không tập trung kinh tế, anh D thiếu quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Từ tháng 11/2022, chị H đã về sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn thôn Đ, xã T, huyện GL, tỉnh Hải Dương, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Đối với anh D, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D thông qua người thân, anh D biết việc chị H đang yêu cầu ly hôn nhưng anh D không đến Tòa án làm việc cũng như không cung cấp bản khai thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu của chị H. Qua đó cho thấy, anh D không quan tâm, không có thiện chí đoàn tụ và tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình cùng với chị H. Điều đó chứng tỏ, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trương Đình D.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị H và anh Trương D có 02 (hai) con chung là Trương Gia B, sinh ngày 30/6/2014 và Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/11/2021. Hiện nay cháu B đang ở với anh D, cháu A đang sống cùng với chị H. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trương Quỳnh A và chị đồng ý việc anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Gia B. Xét đề nghị của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, chị H đi làm và có thu nhập ổn định, có nơi ở và điều kiện sinh hoạt đầy đủ; cháu Trương Quỳnh A đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hơn nữa, cháu Anh còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần thiết phải giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc. Đối với cháu Trương Gia B, hiện đang ở cùng với anh D. Tuy anh D không đến Tòa án nhưng anh cũng thể hiện ý kiến mong muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B thông qua việc truyền đạt thông tin về người thân. Bên cạnh đó, cháu B cũng có nguyện vọng mong muốn sống cùng với anh D. Vì vậy, để đảm bảo về việc chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo sự phát triển toàn

diện của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, chị Cao Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Trương Quỳnh A và anh Trương Đình D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trương Gia B. Chị H và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị H được ly hôn với anh Trương Đình D.

[2] Về con chung: Chị Cao Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/11/2021 (đang sống cùng với chị H); Anh Trương Đình D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 30/6/2014 (hiện đang sống cùng với anh D). Chị Cao Thị H và anh Trương Đình D không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Cao Thị H và anh Trương Đình D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000232 ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị H và anh Trương Đình D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã ĐH, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mỹ Như